TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH
Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2023.
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Thu; Ông Trần Quang Lưu.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Du xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX - ST ngày 15 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 12A/ 2023/QĐST-HPT ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1988. HKTT: Thôn C, xã A, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991. HKTT: Thôn C, xã A, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức B trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N vào năm 2010, trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc và sống cùng gia đình anh được một thời gian đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt nhất là vào tháng 8/2018, chị N bỏ về nhà ngoại, hai vợ

chồng ly thân từ đó đến nay, không còn liên lạc với nhau, việc ai người nấy làm. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 02/3/2012 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 03/4/2014. Hiện các cháu đang ở với anh và ông bà nội. Ly hôn anh xin nuôi cả 02 cháu Q và B vì từ nhỏ các cháu vẫn ở cùng anh, anh đi làm công ty, thu nhập 15.000.000 đồng/1 tháng nên anh có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho các cháu.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết.

Chị N đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt. Toà án lấy lời khai của ông Nguyễn Duy Chư là bố đẻ chị N, ông xác định vợ chồng B N có mâu thuẫn và chị N bỏ về từ năm 2018 đến nay, nay ông xác định anh B chị N đã trưởng thành, ly hôn hay không là quyền của các cháu, ông không có ý kiến gì và đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa anh B xác định từ ngày chị N bỏ nhà đi, anh và các con đã 02 lần cho chị N cơ hội về đoàn tụ nhưng sau đó chị N lại bỏ đi, do vậy xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ nên anh giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị N. Về con chung, anh xin nuôi 02 cháu Q và B và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật. Riêng chị N đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 262, 264 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

14 xử cho anh Nguyễn Đức B được ly hôn chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức B nuôi 02 cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 02/3/2012 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 03/4/2014. Cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 06/4/2023, anh Nguyễn Đức B nộp đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 12/4/2023, Toà án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị N đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt. Toà án đã tiến hành giao giấy triệu tập và niêm yết theo quy định, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức B và chị Nguyễn Thị N kết hôn năm 2010 tại UBND xã A, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn anh B, chị N đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ tháng 8/2018 chị N bỏ về nhà ngoại, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị N không có mặt. Tại phiên tòa anh B giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, Toà án đã lấy lời khai của ông Nguyễn Huy Chư là bố đẻ chị N, ông xác định vợ chồng B N xảy ra mâu thuẫn do anh N đánh đập, chửi mắng dẫn đến chị N không chịu đựng được và bỏ đi không sống cùng anh B, nay anh B làm đơn xin ly hôn, ông xác định các cháu đã trưởng thành nên ly hôn hay không là quyền quyết định của các cháu, ông không có ý kiến gì. Ông vẫn liên lạc với chị N nhưng địa chỉ làm việc và chị N sống ở đâu ông không nắm được. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho anh Nguyễn Đức B được ly hôn chị Nguyễn Thị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh B và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 02/3/2012 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 03/4/2014. Anh B có nguyện vọng xin được nuôi 02 cháu vì từ nhỏ đến nay các cháu vẫn sống cùng anh. Xét thấy, từ ngày chị N bỏ nhà đi thì cả cháu Q và cháu B vẫn ở với anh B và có cuộc sống tốt, học tập ổn định. Toà án tiến hành lấy lời khai, hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội. Anh B cũng có nguyện vọng nuôi các cháu và có thu nhập ổn định, do vậy cần giao cháu Q và cháu B cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh do vậy không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Đức B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức B được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức B nuôi 02 cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 02/3/2012 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 03/4/2014. Cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị N được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận anh B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2021/0002396 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND huyện Tiên Du;
- Chi cục huyện Tiên Du;
- UBND xã A (ĐKKH 66 ngày 7/12/2010);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngần **Nguyễn Hữu Xuyên** **Nguyễn Thị Lan Hương**